

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 69

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty IDICO - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

TỔNG CÔNG TY

Tổng công ty IDICO - CTCP (gọi tắt là "IDICO") tiền thân là Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam được chuyển đổi thành Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mã số doanh nghiệp: 0302177966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/6/2010 với vốn điều lệ là 1.602.219.000.000 VND.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01/3/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - CTCP với vốn điều lệ là 3.000.000.000.000 VND (*Ba ngàn tỷ Việt Nam đồng*), được chia thành 300.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10/5/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty được đổi tên thành Tổng công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15/12/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 17/5/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật thông tin từ phường 6 sang phường Võ Thị Sáu và cập nhật mã ngành nghề đăng ký kinh doanh vào hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tên Tổng công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IDICO CORPORATION - JSC.

Tên Tổng công ty viết tắt là: IDICO.

Cổ phiếu Tổng công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: IDC.

Trụ sở chính của IDICO tại: 151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Ninh Mạnh Hồng	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 02/02/2021)
Ông Lê Bá Thọ	Chủ tịch (Bầu từ ngày 02/02/2021)
Ông Nguyễn Văn Đạt	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 02/02/2021)
Ông Đặng Chính Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Cao Nguyên	Thành viên (Bầu từ ngày 02/02/2021)
Ông Vũ Quang Bảo	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 12/10/2021)
Ông Trịnh Hùng Lâm	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 02/02/2021)
Ông Tôn Thất Anh Tuấn	Thành viên (Bầu từ ngày 02/02/2021)
Ông Nguyễn Duy	Thành viên (Bầu từ ngày 12/10/2021)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Cao Nguyên	Trưởng ban (Miễn nhiệm từ ngày 02/02/2021)
Ông Hoàng Văn Hiến	Trưởng ban (Bầu từ ngày 02/02/2021)
Bà Lê Ánh Thu	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 02/02/2021)
Ông Đào Hữu Thắng	Thành viên (Bầu từ ngày 02/02/2021)
Bà Trần Thanh Linh	Thành viên (Bầu từ ngày 02/02/2021)

Ban Tổng giám đốc

Ông Đặng Chính Trung	Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Hải	Phó Tổng giám đốc
Ông Phan Văn Chung	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng giám đốc
Ông Phan Văn Chính	Phó Tổng giám đốc (Bỏ nhiệm từ ngày 01/6/2021)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, ngoài sự kiện nêu tại thuyết minh số 7.1 bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,



Đặng Chính Trung

Tổng giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022

*Số: 102/2022/BCKTHN-CPA VIETNAM-HCM***BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc
Tổng công ty IDICO - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty IDICO - CTCP, được lập ngày 30/3/2022, từ trang 07 đến trang 69, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại thuyết minh số 7.4, phần thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng công ty đã quyết định trình bày lại một số số liệu so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này



Bùi Thị Thúy**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0580-2018-137-1

*Giấy Ủy quyền số: 04/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc
Thay mặt và đại diện*

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Lưu Minh Tới**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3920-2022-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.034.909.801.433	3.211.562.721.595
(100 = 110+120+130+140+150)				
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	495.132.028.862	726.542.767.957
1. Tiền	111		311.611.140.956	310.048.657.302
2. Các khoản tương đương tiền	112		183.520.887.906	416.494.110.655
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.168.645.803.619	1.014.340.743.187
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	123.341.238.230	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3	2.045.304.565.389	1.014.340.743.187
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		762.588.919.188	849.338.481.832
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.6	443.688.041.071	436.725.413.093
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.7	170.987.250.291	90.134.828.784
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.8	-	71.957.057.386
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.9	175.963.959.552	262.494.117.028
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.10	(30.615.988.685)	(20.036.247.219)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.11	2.565.656.959	8.063.312.760
IV- Hàng tồn kho	140	5.12	549.370.891.448	539.760.732.282
1. Hàng tồn kho	141		549.598.103.151	539.987.943.985
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(227.211.703)	(227.211.703)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		59.172.158.316	81.579.996.337
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.17	1.755.605.298	10.669.294.205
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		57.368.821.512	70.445.981.023
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.20	47.731.506	464.721.109
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.040.925.336.401	11.317.812.062.613
(200 = 210+220+230+240+250+260)				
I Các khoản phải thu dài hạn	210		563.361.605.698	57.601.849.584
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.6	15.211.617.956	12.756.042.627
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		528.040.011	756.754.829
3. Phải thu dài hạn khác	216	5.9	547.979.807.793	44.446.912.190
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.10	(357.860.062)	(357.860.062)
II Tài sản cố định	220		5.820.587.285.413	6.045.214.219.960
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.13	3.831.703.051.813	4.034.206.389.018
- Nguyên giá	222		7.643.910.915.114	7.530.328.263.169
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.812.207.863.301)	(3.496.121.874.151)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.14	1.988.884.233.600	2.011.007.830.942
- Nguyên giá	228		2.524.208.093.405	2.493.887.261.661
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(535.323.859.805)	(482.879.430.719)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.15	114.285.104.835	120.836.646.535
1. Nguyên giá	231		158.596.007.375	158.596.007.375
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(44.310.902.540)	(37.759.360.840)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.607.534.217.904	3.702.500.250.272
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.16	4.607.534.217.904	3.702.500.250.272

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND (Trình bày lại)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		278.331.600.412	836.518.264.492
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.4	81.288.400.096	690.362.631.445
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.5	99.845.659.784	148.595.659.784
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.5	(2.802.459.468)	(2.440.026.737)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.5	100.000.000.000	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		656.825.522.139	555.140.831.770
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.17	632.062.734.348	523.814.965.066
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.18	9.695.672.038	9.790.768.530
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		10.121.361.277	10.406.892.796
4. Lợi thế thương mại	269	5.19	4.945.754.476	11.128.205.378
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		16.075.835.137.834	14.529.374.784.208

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND (Trình bày lại)
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		11.047.798.602.930	9.571.422.331.212
I- Nợ ngắn hạn	310		2.449.522.841.232	1.829.889.588.807
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.21	300.426.081.402	303.388.800.371
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.22	55.260.171.305	102.523.627.379
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.20	104.939.172.672	226.853.028.536
4. Phải trả người lao động	314		30.250.599.398	34.935.003.114
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.23	33.642.666.828	39.984.767.347
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.26	204.305.841.413	162.501.697.960
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.24	246.768.425.868	257.452.876.947
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.25	1.447.732.373.621	665.501.367.288
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.28	1.778.922.726	-
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		24.418.585.999	36.748.419.865
II- Nợ dài hạn	330		8.598.275.761.698	7.741.532.742.405
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	5.22	155.481.224.376	100.358.684.583
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.23	213.372.272	1.146.513.584
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.26	6.048.082.495.026	5.325.283.575.358
4. Phải trả dài hạn khác	337	5.24	84.895.453.749	8.185.106.902
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.25	2.084.649.567.594	2.088.927.939.366
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.27	32.160.953.999	20.923.965.081
7. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.28	192.792.694.682	196.706.957.531
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		5.028.036.534.904	4.957.952.452.996
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.29	5.028.036.534.904	4.957.952.452.996
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		41.896.673.847	41.896.673.847
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		28.248.519.183	18.048.559.983
4. Cổ phiếu quỹ	415		(25.500)	(25.500)
5. Chênh lệch đánh giá tài sản	416		(42.360.582.551)	(59.296.653.028)
6. Quỹ đầu tư phát triển	418		185.788.109.738	200.864.674.594
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		686.094.520.126	976.536.869.545
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ trước	421a		231.786.449.987	103.360.542.081
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		454.308.070.139	873.176.327.464
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423	5.30	1.128.369.320.061	779.902.353.555
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		16.075.835.137.834	14.529.374.784.208

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



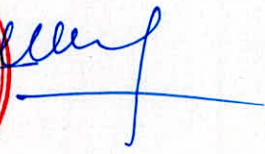
Trần Thị Ngọc Loan

Kế toán trưởng



Trần Thị Ngọc

Tổng giám đốc



Đặng Chính Trung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021		Năm 2020
			VND	VND	(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	4.318.462.878.079		5.356.252.901.439
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	17.226.386.838		209.359.182
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	4.301.236.491.241		5.356.043.542.257
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	3.563.801.771.641		3.870.229.148.318
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		737.434.719.600		1.485.814.393.939
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	605.210.793.205		149.832.703.472
7. Chi phí tài chính	22	6.4	294.361.221.510		230.292.982.822
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>173.228.238.197</i>		<i>232.262.186.049</i>
8. Phần Lãi/(Lỗ) trong công ty liên kết	24	6.5	(71.333.034.551)		23.677.965.515
9. Chi phí bán hàng	25	6.6	71.383.708.291		65.378.646.368
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	188.898.557.141		184.484.153.907
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		716.668.991.312		1.179.169.279.829
12. Thu nhập khác	31	6.8	57.341.033.465		68.952.377.903
13. Chi phí khác	32	6.8	17.840.850.035		15.416.774.970
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.8	39.500.183.430		53.535.602.933
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		756.169.174.742		1.232.704.882.762
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	166.809.809.492		239.518.277.512
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		11.332.085.410		(5.217.365.901)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		578.027.279.840		998.403.971.151
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		454.308.070.139		873.176.327.464
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		123.719.209.701		125.227.643.687
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	1.514		2.893

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Trần Thị Ngọc Loan



Trần Thị Ngọc



Đặng Chính Trung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND (Trình bày lại)
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		756.169.174.742	1.232.704.882.762
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí phân bổ	02		388.589.619.368	509.867.362.763
- Các khoản dự phòng	03		8.806.834.074	(12.602.629.846)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		84.192.632	(5.469.864)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(611.974.266.375)	(149.710.425.503)
- Chi phí lãi vay	06		173.228.238.197	232.262.186.049
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. <i>Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		714.903.792.638	1.812.515.906.361
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(54.032.008.858)	(25.723.559.732)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.324.627.647)	(60.425.425.413)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		832.890.807.258	(773.012.149.912)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(99.334.080.375)	(55.293.600.950)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(123.341.238.230)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(169.027.591.102)	(235.401.882.011)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(289.219.506.437)	(76.633.140.491)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	402.240.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(29.269.717.177)	(67.295.761.271)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		774.245.830.070	519.132.626.581
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.066.203.385.896)	(906.581.857.326)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		6.776.895.751	45.000.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.271.927.644.404)	(1.024.201.590.484)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		212.920.879.588	1.296.995.260.953
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		941.250.000.000	45.666.760.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		117.921.745.655	176.592.034.904
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(1.059.261.509.306)	(366.529.391.953)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND (Trình bày lại)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các VCSH, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	(50.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33		2.137.059.272.817	1.636.702.849.625
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.359.106.638.256)	(1.526.466.941.617)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(724.263.501.788)	(204.128.915.372)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		53.689.132.773	(93.893.057.364)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i> (50 = 20+30+40)	50		(231.326.546.463)	58.710.177.264
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60		726.542.767.957	667.827.120.829
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		(84.192.632)	5.469.864
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i> (70 = 50+60+61)	70	5.1	495.132.028.862	726.542.767.957

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Trần Thị Ngọc Loan

Kế toán trưởng



Trần Thị Ngọc

Tổng giám đốc



Đặng Chính Trung

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty IDICO - CTCP tiền thân là Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam được chuyển đổi thành Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mã số doanh nghiệp: 0302177966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/6/2010 với vốn điều lệ là 1.602.219.000.000 VND.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01/3/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - CTCP với vốn điều lệ là 3.000.000.000.000 VND (*Ba ngàn tỷ Việt Nam đồng*), được chia thành 300.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10/5/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty được đổi tên thành Tổng công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15/12/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 17/5/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật thông tin từ phường 6 sang phường Võ Thị Sáu và cập nhật mã ngành nghề đăng ký kinh doanh vào hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tên Tổng công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IDICO CORPORATION - JSC.

Tên Tổng công ty viết tắt là: IDICO.

Cổ phiếu Tổng công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: IDC.

Trụ sở chính của IDICO tại: 151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số lao động của Tổng công ty và các Công ty con tại ngày 31/12/2021 là 1.450 người (tại ngày 31/12/2020: 1.496 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Tổng công ty IDICO - CTCP kinh doanh đúng theo các ngành nghề đã đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính trong năm: Đầu tư xây dựng, kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp và sản xuất kinh doanh điện.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm kế toán

Từ đầu năm 2021, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. So với cùng kỳ năm trước thì doanh thu và kết quả hoạt động năm 2021 của Tổng công ty cũng bị sụt giảm. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, do chưa thuộc đối tượng được hỗ trợ theo chính sách của Chính phủ nên Tổng công ty chưa nhận được các khoản hỗ trợ liên quan.

Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3 tạm ngừng vận hành từ ngày 28/10/2020 do bị ảnh hưởng của cơn bão số 9 theo Thông báo số 684/TCT-TCKT ngày 29/10/2020 của Tổng công ty IDICO và vận hành, phát điện trở lại kể từ ngày 13/8/2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.5 Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 31/12/2021, Tổng công ty có các công ty con, công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Stt	Tên công ty	Tên công ty viết tắt	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn góp (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
A.	A. Các công ty con						
1	Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO	IDICO - URBIZ	Đường Tôn Đức Thắng, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiển, H.Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng KCN và xây lắp	100,00%	100,00%	100,00%
2	Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO	IDICO - ICC	Số 48, khu phố 3, phường An Hòa, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Xây lắp, đầu tư và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	100,00%	100,00%	100,00%
3	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	IDICO - UDICO	Đường số 4, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiển, H.Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh điện và xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%
4	Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	IDICO - SHP	Thôn 7, xã Long Bình, H.Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.	Sản xuất kinh doanh điện và nước sạch	51,00%	51,00%	51,00%
5	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	IDICO - IDI	Km 1906+700, Quốc lộ 1A, KP 5, phường Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, Tp.HCM	BOT giao thông, xây lắp	57,50%	57,50%	57,50%
6	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	IDICO - LINCO	Số 88, quốc lộ 1 (tuyến tránh), phường 6, Tp.Tân An, tỉnh Long An.	Đầu tư, kinh doanh bất động sản và xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%
7	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO	IDICO - CONAC	Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng KCN và xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%
8	Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	IDICO - INCON	Số 100, đường Nguyễn Gia Trí, phường 25, Q.Bình Thạnh, Tp. HCM	Tư vấn đầu tư xây dựng	70,40%	70,40%	70,40%
9	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO	IDICO - MCI	KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiển, H. Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng	81,94%	81,94%	81,94%
10	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	IDICO - INCO 10	Số 43A, đường 3/2, phường Xuân Khánh, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ	Xây lắp	96,83%	96,83%	96,83%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.5 Cấu trúc Tổng công ty (Tiếp theo)

Stt	Tên công ty	Tên công ty viết tắt	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn góp (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Quế Võ IDICO	IDICO - QUE VO	Tầng 13, Tòa nhà HH3, Đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, Q.Nam Từ Liêm, Tp.Hà Nội	Kinh doanh hạ tầng KCN	54,94%	54,94%	54,94%
	Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO	IDICO - TCC	Số 304, đường Trần Hưng Đạo, Tp.Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Xây lắp	95,19%	95,19%	95,19%
	Công ty Cổ phần IDICO Tiền Giang	IDICO - ITC	Số 138 Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.	Kinh doanh hạ tầng KCN	65,00%	65,00%	65,00%
B. Các công ty liên doanh, liên kết							
	Công ty cổ phần Phát triển đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	BVEC	Km 11, quốc lộ 51, xã Tam Phước, Tp.Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai	BOT giao thông và vật liệu xây dựng	49,00%	49,00%	49,00%
	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	LAMA IDICO	Km 23, QL 51, Ấp 1, xã Long An, H.Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Gia công cơ khí và lắp đặt thiết bị	30,13%	20,13%	30,13%
	Công ty cổ phần Xây dựng số 1 Sông Hồng	SONG HONG 1, JSC	Số 72, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, Hà Nội	Thi công các công trình dân dụng và kinh doanh dự án	34,85%	34,85%	34,85%
C. Các đơn vị trực thuộc của Tổng công ty IDICO -CTCP							
	Chi nhánh IDICO - Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3	IDICO - DAK MI 3	133 Phạm Văn Đồng, thị trấn Khâm Đức, H.Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.	Quản lý vận hành Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3			
	Chi nhánh IDICO tại Hà Nội	IDICO - HA NOI	Tầng 13 - Tòa nhà SUDICO, Đường Mễ Trì- Mỹ Đình, phường Mỹ Đình I, Q.Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Xây lắp công trình dân dụng			
	Chi nhánh IDICO tại Miền Đông	IDICO - IEB	Tầng 3 tòa nhà IDICO-URBIZ, KCN Nhơn Trạch 1, Xã Hiệp Phước, H.Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai.	Quản lý hạ tầng Khu công nghiệp			

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính ban hành, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính của các Công ty do Tổng công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)**

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty con trong cùng Tổng công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần từng Công ty con khi hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu thuộc cổ đông không kiểm soát của Tổng công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Nguyên tắc kế toán các loại tỷ giá hối đoái áp dụng**Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên giao dịch tại ngày 31/12/2021.

(i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...).

(ii) Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên giao dịch tại ngày 31/12/2021.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết mà trong đó Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng công ty vào phần tài sản thuần của các công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của các công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình đã được đánh giá lại theo phương pháp tài sản để Xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước tại thời điểm 31/12/2014. Theo đó, nguyên giá tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá đánh giá lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kể từ ngày 01/3/2018 (Tổng công ty IDICO chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần), giá trị khấu hao của tài sản cố định trong năm được tính bằng giá trị còn lại của tài sản tại ngày 01/3/2018 chia cho thời gian khấu hao còn lại của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	08 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	08 - 10
Hệ thống đường, thoát nước Khu công nghiệp	05 - 20

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3: Thời gian bắt đầu tính khấu hao từ thời điểm phát điện thương mại theo hướng dẫn tại Nghị định số 82/2014/NĐ-CP ngày 25/8/2017 của Chính phủ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất, chi phí san nền, đền bù và giải phóng mặt bằng của Khu công nghiệp Mỹ Xuân A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5, Khu công nghiệp Phú Mỹ 2, Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, Khu công nghiệp Kim Hoa, Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1, Khu công nghiệp Quế Võ 2, Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3, Khu công nghiệp Cầu Nghìn. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo thời gian được giao, thuê đất.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà cửa vật kiến trúc do IDICO - UDICO và IDICO - URBIZ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, cụ thể:

Bất động sản đầu tư của IDICO - UDICO tại ngày 31/12/2021 gồm Chung cư 5 tầng Hiệp Phước số 01 và Chung cư 5 tầng Hiệp Phước số 02 tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, được IDICO - UDICO sử dụng để cho công nhân và cán bộ nhân viên trong khu công nghiệp thuê.

Bất động sản đầu tư của IDICO - URBIZ tại ngày 31/12/2021 gồm Chung cư T1, T2, T3 và T4 - Công trình Khu nhà ở Công nhân tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, được IDICO - URBIZ sử dụng để cho công nhân và cán bộ nhân viên trong khu công nghiệp thuê.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)**

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính để khấu hao là 10 năm.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng công ty bao gồm các chi phí sau:

Tiền thuê đất tại các khu công nghiệp:

Tiền thuê đất trả trước tại các khu công nghiệp phản ánh tiền thuê đất trả trước cho Nhà nước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng.

+ Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 (tỉnh Đồng Nai) sẽ được phân bổ từ năm 2022-2053 và Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) sẽ được phân bổ từ năm 2034-2055; là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần đối với diện tích đất đã cho thuê lại, thu tiền một lần theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước năm 2016. Tại ngày 31/12/2021, Tổng công ty đang trong giai đoạn được miễn tiền thuê đất nên Tổng công ty chưa phân bổ các khoản tiền thuê đất này vào chi phí.

+ Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Hựu Thạnh (tỉnh Long An) là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê đất và sẽ được phân bổ từ ngày 08/8/2034 đến ngày 06/8/2069. Tại ngày 31/12/2021, Tổng công ty đang trong giai đoạn đầu tư và được miễn tiền thuê đất nên Tổng công ty chưa phân bổ các khoản tiền thuê đất này vào chi phí.

+ Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Kim Hoa (tỉnh Vĩnh Phúc) là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê đất và sẽ được phân bổ từ năm 2003-2053. Tại ngày 31/12/2021, IDICO - URBIZ đang tiếp tục phân bổ theo thời hạn thuê đất của Khu công nghiệp này.

+ Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 (tỉnh Đồng Nai) là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê đất và sẽ được phân bổ từ năm 1998-2048. Tại ngày 31/12/2021, IDICO - URBIZ đang tiếp tục phân bổ theo thời hạn thuê đất của Khu công nghiệp này.

+ Tiền trả trước tại Khu công nghiệp Quê Võ 2 (tỉnh Bắc Ninh) là giá trị tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng sẽ được trừ vào tiền thuê đất phải nộp theo biên bản làm việc ngày 29/10/2014 của IDCO - QUEVO với Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh về việc xác định các khoản được trừ về tiền bồi thường giải phóng mặt bằng vào số tiền thuê đất phải nộp. Tại ngày 31/12/2021, IDICO - QUEVO đang trong giai đoạn được miễn tiền thuê đất nên Công ty chưa phân bổ các khoản tiền thuê đất này vào chi phí.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng và công cụ dụng cụ phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ, giá trị công cụ dụng cụ đã phân bổ 100% được đánh giá lại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước (Tiếp theo)*****Giá trị lợi thế tiềm năng phát triển và giá trị thương hiệu***

Giá trị lợi thế tiềm năng phát triển và giá trị thương hiệu của Công ty mẹ - Tổng công ty IDICO; IDICO - URBIZ và IDICO - ICC được ghi nhận theo số liệu Biên bản Điều chỉnh kết quả Thẩm tra Xác định giá trị doanh nghiệp theo Phương pháp tài sản của Tổng công ty tại thời điểm 0h ngày 01/01/2015 của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đã ký ngày 29/9/2016. Giá trị lợi thế tiềm năng phát triển và giá trị thương hiệu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm và bắt đầu phân bổ vào thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần (ngày 01/3/2018). Tại ngày 31/12/2021, Tổng công ty đã phân bổ hết giá trị này vào chi phí.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn đến quan hệ công ty mẹ - công ty con được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 5 đến 10 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng công ty và người bán (là đơn vị độc lập bao gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Tổng công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay hợp nhất cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, có 69.222.544.657 VND (cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020: 39.425.367.710 VND) chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Tổng công ty.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay liên quan đến Nhà máy thủy điện Đak Mi 3, các khu công nghiệp;
- Chi phí thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng từ doanh thu tiền điện;
- Chi phí Nhà máy xử lý nước thải Phú Mỹ 2;
- Các khoản chi phí khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê cơ sở hạ tầng); không bao gồm: Tiền nhận trước của người mua mà Tổng công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác****Doanh thu hạ tầng Khu công nghiệp:**

Doanh thu từ việc cho thuê hạ tầng trong các Khu công nghiệp được ghi nhận trên cơ sở bàn giao hạ tầng cho bên thuê được bên thuê chấp thuận thanh toán. Tiền thuê đất được trả trước và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng cho thuê.

Dự án Khu công nghiệp Mỹ Xuân A được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng cho thuê kể từ khi phát sinh hợp đồng thuê đất đến năm 2020. Nay đã cho thuê lấp đầy 100% diện tích đất công nghiệp với tổng diện tích cho thuê là 232,24 ha. Trong đó, diện tích đất cho thuê trả tiền một lần là 153,83 ha chiếm 66,24% diện tích cho thuê và diện tích cho thuê trả tiền hàng năm là 78,41 ha chiếm 33,76% diện tích cho thuê. Dự án đã được Hội đồng quản trị Tổng công ty IDICO phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 28/QĐ-TCT ngày 29/12/2021. Theo đó, Dự án Khu công nghiệp Mỹ Xuân A đã đảm bảo được các điều kiện để ghi nhận doanh thu một lần theo quy định tại Mục 1.6.12, Điều 79, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các ảnh hưởng được trình bày tại Thuyết minh 7.3.

Doanh thu kinh doanh điện

Đối với Nhà máy thủy điện Đak Mi 3: Doanh thu được xác định và ghi nhận dựa trên vào bảng kê sản lượng điện hợp đồng theo từng giờ, từng ngày và giá bán theo Hợp đồng mua bán điện số 03/2017/HĐ-NMĐ-Đak Mi 3 ngày 31/3/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 04 ngày 01/6/2020 giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và Tổng công ty IDICO về việc mua bán điện Nhà máy thủy điện Đak Mi 3.

Đối với Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO: Doanh thu được xác định và ghi nhận dựa vào bảng kê sản lượng điện hợp đồng theo từng giờ, từng ngày và giá bán theo Hợp đồng mua bán điện số 06/2012/HĐ-NMĐ-SROK PHU MIÊNG ký ngày 12/6/2012 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 06 Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng giữa Công ty Mua bán điện và Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.

Đối với Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO: Doanh thu bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện (xác định theo chỉ số trên công tơ điện) và giá bán điện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản:

- a) Đối với các công trình, hạng mục công trình mà các Công ty con là chủ đầu tư. Các Công ty con ghi nhận doanh thu bán bất động sản phải đảm bảo thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:
- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, các Công ty con đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
 - Các công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

- b) Các Công ty con ghi nhận doanh thu đối với nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:
- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
 - Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất

Doanh thu cho thuê bất động sản:

Doanh thu cho thuê bất động sản được xác định và ghi nhận trên hợp đồng đã ký với bên cho thuê và giá bán được căn cứ vào hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động đường bộ:

Doanh từ hoạt động thu phí sử dụng đường bộ được ghi nhận khi hoàn thành dịch vụ thu phí (thu tiền từ khách hàng).

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận:

Tổng công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Tổng công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.

Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động ...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đơn vị khác.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Hoạt động kinh doanh tại Nhà máy thủy điện Đak Mi 3 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (2017-2031). Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 3717743015 ngày 23/8/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam, thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động kinh doanh Nhà máy thủy điện Đak Mi 3 được miễn bốn năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2017 - 2020) và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo (2021 - 2029).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp theo)**

- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tiền thuê đất tại các khu công nghiệp:

(i) Khu công nghiệp Mỹ Xuân A: Miễn tiền thuê đất trong suốt thời gian thực hiện dự án theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 8751/BKH-PTDN ngày 19/12/2005 của Bộ Kế hoạch và đầu tư (từ năm 2009 đến năm 2054).

(ii) Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5: Theo Quyết định số 10122/QĐ-CT ngày 17/12/2014 của Cục thuế Đồng Nai và Quyết định số 10123/QĐ-CT ngày 17/12/2014 của Cục thuế Đồng Nai, được miễn tiền thuê đất:

+ Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản (từ năm 2004 đến năm 2010) và được miễn tiền thuê đất 11 năm theo ưu đãi đầu tư kể từ ngày dự án đi vào hoạt động (từ năm 2011 đến năm 2021).

+ Đối với diện tích phải nộp tiền thuê đất một lần cho Nhà nước: Thực hiện nộp trong năm 2017 theo Kết luận của Kiểm toán Nhà nước.

(iii) Khu công nghiệp Phú Mỹ 2: Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49221000174 ngày 20/6/2013:

+ Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản (từ năm 2011 đến năm 2018) và được miễn tiền thuê đất 15 năm kể từ ngày dự án đi vào hoạt động (từ năm 2019 đến năm 2033).

+ Đối với diện tích phải nộp tiền thuê đất một lần cho Nhà nước: Thực hiện nộp trong năm 2017 (một phần) theo Kết luận của Kiểm toán Nhà nước và nộp phần còn lại (năm 2019) theo Thông báo của Chi cục thuế Thị xã Phú Mỹ.

(iv) Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng: Theo Quyết định số 1688/QĐ-CT ngày 09/3/2022 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc miễn tiền thuê đất cho Tổng công ty IDICO - CTCP: Miễn tiền thuê đất phải nộp trong thời gian 18 năm, từ ngày 18/01/2011 đến ngày 17/10/2029 đối với Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 29/3/2011 và số 2969/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc cho thuê đất, hợp đồng thuê đất số 45/HĐTD ngày 07/11/2011 và số 51/HĐTD ngày 19/11/2018.

(v) Khu công nghiệp Hựu Thạnh: Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6567676128 ngày 27/9/2018:

+ Miễn tiền thuê đất 15 năm kể từ ngày dự án đi vào hoạt động (từ ngày 06/8/2019 đến ngày 05/8/2034).

+ Đối với diện tích phải nộp tiền thuê đất một lần cho Nhà nước: Thực hiện nộp theo Thông báo số 513/TBHKDCN-CT ngày 23/6/2020 của Cục thuế tỉnh Long An: Lần 1 ngày 17/8/2020 (50%) và lần 2 ngày 23/9/2020 (50%).

(vi) Khu công nghiệp Cầu Nghìn: Theo Quyết định số 563/QĐ-CT ngày 31/3/2021 của Cục thuế tỉnh Thái Bình về việc miễn tiền thuê đất theo ưu đãi đầu tư: Miễn 6 năm 7 tháng (từ tháng 11/2018 đến tháng 05/2025) theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền đất, thuê mặt nước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm sau khi trừ đi phần trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành Tổng công ty.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng Tổng công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh dịch vụ khu công nghiệp, kinh doanh điện năng, thu phí đường bộ, xây lắp, bất động sản và lĩnh vực khác gồm có kinh doanh vật tư, thiết kế, chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Tổng công ty. Tổng công ty hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	35.957.167.946	21.622.494.297
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	275.653.973.010	288.426.163.005
Các khoản tương đương tiền (i)	183.520.887.906	416.494.110.655
Tổng	495.132.028.862	726.542.767.957

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện tiền gửi tại các ngân hàng có thời hạn không quá 03 tháng với lãi suất bình quân từ 3,4%/năm đến 5,5%/năm.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.2 CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết trên HSX (i)	123.256.491.826	173.733.181.350	-	-	-	-
Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UpCom (i)	84.746.404	52.500.000	-	-	-	-
Tổng giá trị cổ phiếu	123.341.238.230	173.785.681.350	-	-	-	-

(i) Giá trị hợp lý của các cổ phiếu niêm yết trên HSX, giao dịch trên UpCOM được xác định theo giá đóng cửa của các cổ phiếu này do các sàn giao dịch công bố tại ngày 31/12/2021.

5.3 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai	125.000.000.000	125.000.000.000	22.832.409.043	22.832.409.043
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Đồng Nai	41.172.423.031	41.172.423.031	37.000.000.000	37.000.000.000
Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam -CN Đồng Nai	40.000.000.000	40.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN TP.HCM	38.660.000.000	38.660.000.000	38.660.000.000	38.660.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM	155.000.000.000	155.000.000.000	115.000.000.000	115.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Vũng Tàu - PGD Rạch Dừa	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Campuchia- CN Hà Nội	5.000.000.000	5.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Rịa	433.000.000.000	433.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Côn Đảo	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bà Rịa Vũng Tàu	30.196.000.000	30.196.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.3 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (Tiếp theo)

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nhơn Trạch	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Gia Định	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP.HCM - CN Vũng Tàu	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Long An	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nhà Bè	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Bà Rịa Vũng Tàu	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex Vũng Tàu	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Vũng tàu	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Thủ dầu Một	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vũng Tàu	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Rịa Vũng	-	-	512.000.000.000	512.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam-CN Cần Thơ	16.226.142.358	16.226.142.358	7.798.334.144	7.798.334.144
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN	260.000.000.000	260.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Tp.HCM	750.000.000.000	750.000.000.000	-	-
Tổng	2.045.304.565.389	2.045.304.565.389	1.014.340.743.187	1.014.340.743.187

Đây là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng và dưới 12 tháng của Tổng công ty và các Công ty con tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất bình quân từ 4,9%/năm đến 6,7%/năm.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.4 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Tại ngày 31/12/2021 (VND)			Tại ngày 01/01/2021 (VND)		
	Giá gốc	Giá theo phương pháp vốn CSH	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá theo phương pháp vốn CSH	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần Thủy điện Đak Mi (ii)	-	-		260.000.000.000	265.200.000.000	(i)
Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ (iii)	-	-		265.800.000.000	265.800.000.000	(i)
Công ty CP Phát triển đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	150.712.000.000	57.131.230.462	(i)	150.712.000.000	135.653.926.413	(i)
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	18.218.017.481	24.157.169.634	(i)	18.218.017.481	23.708.705.032	(i)
Công ty cổ phần Xây dựng số 1 Sông Hồng (iv)	14.178.357.303	-	(i)	14.178.357.303	-	
Tổng	183.108.374.784	81.288.400.096		708.908.374.784	690.362.631.445	

(i) Tổng công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty không niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

(ii) Theo Hợp đồng mua bán cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Đak Mi (DAK MI JSC) ngày 15/6/2021 giữa IDICO (bên Bán) và Công ty TNHH Tập đoàn BITECO (bên Mua) về việc chuyển nhượng cổ phiếu DAK MI JSC với số lượng 26.000.000 cổ phiếu (tương đương 26% vốn điều lệ tại DAK MI JSC), giá bán: 20.000 đồng/cổ phiếu. Theo đó, số lượng cổ phiếu IDICO nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch là: 0 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 0% Vốn điều lệ kể từ ngày 18/6/2021. Do đó, DAK MI JSC không còn là Công ty liên kết của IDICO.

(iii) Theo Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 02/HĐCN/IDC-VGC ngày 17/9/2021 giữa IDICO (bên Bán) và Tổng công ty VIGLACERA (bên Mua) về việc chuyển nhượng phần vốn góp của IDICO tại Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ với giá trị là 258.600.000.000 đồng (tương đương 30% vốn điều lệ), giá bán: 350.000.000.000 đồng. Theo đó, vốn góp của IDICO tại Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ là 0 đồng, tương ứng tỷ lệ 0% Vốn điều lệ kể từ ngày 23/9/2021. Do đó, Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ không còn là Công ty liên kết của IDICO.

(iv) SONG HONG 1, JSC vốn chủ sở hữu (Mã 410) đã bị âm vốn nên giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu 0 đồng.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.5 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC VÀ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Tỷ lệ		31/12/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá hợp lý (i)	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý (i)	Dự phòng
I. Đầu tư vào đơn vị khác			99.845.659.784		(2.802.459.468)	148.595.659.784		(2.440.026.737)
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO (i)	1,22%	1,22%	8.393.000.000	20.751.500.000	-	8.393.000.000	11.935.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí Long Sơn (i)	8,54%	8,54%	28.256.416.000	153.997.467.200	-	28.256.416.000	74.879.502.400	-
Trường Đại Học Vinh (ii)	7,17%	7,17%	10.217.858.042		(2.802.459.468)	10.217.858.042		(2.440.026.737)
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng đô thị Việt Nam (ii)	8,91%	8,91%	3.119.400.000		-	3.119.400.000		-
Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Tổng hợp (ii)	5,00%	5,00%	2.951.688.000		-	2.951.688.000		-
Công ty cổ phần Đầu tư Đồng Thuận (ii)	4,57%	4,57%	14.470.722.442		-	14.470.722.442		-
Công ty cổ phần BOT Quốc lộ 2 (ii)	14,37%	14,37%	25.573.734.700		-	25.573.734.700		-
Công ty cổ phần Khai thác Hạnh Phúc (ii)	7,50%	7,50%	6.750.000.000		-	6.750.000.000		-
Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên (ii)	0,00135%	0,00135%	112.840.600		-	112.840.600		-
Công ty cổ phần phát triển KCN và Đô thị Thủ Thừa IDICO-CONAC (ii)			-		-	3.750.000.000		-
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Mỹ Xuân (ii)			-		-	45.000.000.000		-
II. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			100.000.000.000		-	-		-
Công ty cổ phần phát triển KCN và Đô thị Thủ Thừa IDICO-CONAC (iii)			100.000.000.000		-	-		-
Tổng			199.845.659.784		(2.802.459.468)	148.595.659.784		(2.440.026.737)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.5 ĐẦU TƯ GÓP VÀO ĐƠN VỊ KHÁC VÀ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (Tiếp theo)

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 31/12/2021 được trình bày:

(i) Tổng công ty đã xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất và số lượng cổ phiếu mà Tổng công ty đang nắm giữ.

(ii) Tổng công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty không niêm yết tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

(iii) Văn bản số 21/CT-HĐQT ngày 02/6/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Dầu khí IDICO (IDICO-CONAC) gửi Giám đốc Công ty về việc chấp thuận cho Công ty mua trái phiếu Công ty Cổ phần Phát triển KCN và đô thị Thủ Thừa IDICO - CONAC như sau: Mã trái phiếu: IDTCH21231; Số lượng trái phiếu: 1.000.000 trái phiếu; Mệnh giá: 100.000 đồng/trái phiếu; Giá trị trái phiếu (theo mệnh giá): 100.000.000.000 đồng; Kỳ hạn trái phiếu: 24 tháng kể từ hành phát hành; Lãi suất trái phiếu: Lãi cố định 10%/năm, Kỳ tính lãi: 03 tháng/lần; Loại hình trái phiếu: là trái phiếu không chuyển đổi và không kèm chứng quyền, có tài sản bảo đảm; Tài sản đảm bảo 1.821.280 cổ phần của IDICO-CONAC do Công ty TNHH Hayat nắm giữ và toàn bộ số cổ phần phát sinh do trả cổ tức liên quan quyền sở hữu 1.821.280 cổ phần trong thời gian thế chấp.

Các giao dịch chủ yếu giữa Tổng công ty và các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 7.2.

5.6 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
		(trình bày lại)
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	443.688.041.071	436.725.413.093
Công ty Mua bán điện	70.294.174.130	50.788.721.788
Các đối tượng còn lại	373.393.866.941	385.936.691.305
b) Phải thu khách hàng dài hạn	15.211.617.956	12.756.042.627
Các khoản phải thu khách hàng dài hạn khác	15.211.617.956	12.756.042.627
Tổng	458.899.659.027	449.481.455.720
<i>Trong đó: phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)</i>	<i>150.793.125</i>	<i>107.730.000</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty CP Kiểm định xây dựng An Hòa	18.651.110.856	21.532.935.504
Các đối tượng còn lại	152.336.139.435	68.601.893.280
Tổng	170.987.250.291	90.134.828.784

5.8 PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
DAK MI JSC	-	71.957.057.386
Tổng	-	71.957.057.386
<i>Trong đó: Phải thu cho vay là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)</i>	<i>-</i>	<i>71.957.057.386</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.9 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND) (Trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	175.963.959.552	(4.051.078.937)	262.494.117.028	(4.338.515.578)
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.635.083.880	-	12.764.492.553	-
Tạm ứng	31.706.152.687	(1.072.707.352)	16.144.712.580	(1.557.441.591)
Ký cược, ký quỹ	382.656.008	-	794.172.008	-
Phải thu khác (i)	142.240.066.977	(2.978.371.585)	232.790.739.887	(2.781.073.987)
b) Dài hạn	547.979.807.793	-	44.446.912.190	51.622.896
Tạm ứng	-	-	51.622.896	(51.622.896)
Ký cược, ký quỹ	210.816.405.351	-	10.761.901.652	-
Phải thu Công ty cổ phần Đầu tư An Phước (iii)	310.000.000.000	-	-	-
Phải thu khác (ii)	27.163.402.442	-	33.633.387.642	-
Tổng	723.943.767.345	(4.051.078.937)	306.941.029.218	(4.390.138.474)

Chi tiết Phải thu khác

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND) (Trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn (i)	142.240.066.977	(2.978.371.585)	232.790.739.887	(2.781.073.987)
Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Đức Hòa	42.497.635.091	-	33.440.850.343	-
Lãi dự thu của các ngân hàng	38.449.245.449	-	28.835.400.289	-
DAK MI JSC	-	-	152.598.921.968	-
Công ty CP LEC GROUP	23.855.503.001	-	-	-
Đối tượng khác	37.437.683.436	(2.978.371.585)	17.915.567.287	(2.781.073.987)
Tổng	142.240.066.977	- 2.978.371.585	232.790.739.887	- 2.781.073.987
Dài hạn (ii)	27.163.402.442	-	33.633.387.642	-
Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	6.472.755.000	-	12.945.510.000	-
Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng mỏ đá Tăng Xi	20.088.889.066	-	20.088.889.066	-
Phải thu dài hạn khác	601.758.376	-	598.988.576	-
Tổng	169.403.469.419	(2.978.371.585)	266.424.127.529	(2.781.073.987)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.9 PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)

(iii) IDICO-ITC tham gia góp vốn để xây dựng Hệ sinh thái đồng bộ, chuyên nghiệp khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo Thỏa thuận ghi nhớ hợp tác đầu tư giữa Công ty cổ phần IDICO Tiền Giang và Công ty cổ phần Đầu tư An Phước ký ngày 28/12/2021. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh dự án theo quy định cụ thể tại hợp đồng hợp tác đầu tư chính thức khi các bên thống nhất ký kết.

5.10 NỢ XẤU

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND) (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Ngắn hạn	34.927.738.028	4.311.749.343	25.070.234.520	5.033.987.301
Công ty TNHH Sản xuất Hammer	2.953.260.485	-	2.954.027.701	17.466.091
Công ty CP thủy điện Đakrinh	7.122.922.361	-	-	-
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Bảo Toàn	2.060.857.976	-	2.060.857.976	-
Công ty TNHH ACOTEC Hoàng Vũ	5.316.515.494	1.734.324.094	4.029.105.832	2.439.095.961
Các đối tượng còn lại	17.474.181.712	2.577.425.249	16.026.243.011	2.577.425.249
b) Dài hạn	3.658.114.732	3.300.254.670	3.658.114.732	3.300.254.670
Công ty cổ phần Phát triển đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	3.300.254.670	3.300.254.670	3.300.254.670	3.300.254.670
Các đối tượng còn lại	357.860.062	-	357.860.062	-
Tổng	38.585.852.760	7.612.004.013	28.728.349.252	8.334.241.971

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.11 TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tiền	-	-	-	148.322.234
Hàng tồn kho	-	57.000.000	-	5.406.333.567
Tài sản khác	-	2.508.656.959	-	2.508.656.959
Tổng	-	2.565.656.959	-	8.063.312.760

5.12 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	22.317.656.164	-	16.360.797.971	-
Công cụ, dụng cụ	457.605.160	(5.600.000)	157.322.210	(5.600.000)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	373.706.881.585	-	361.557.382.766	-
Thành phẩm	3.393.246.936	(221.611.703)	2.322.490.129	(221.611.703)
Hàng hóa	531.674.398	-	483.596.293	-
Hàng hóa bất động sản	149.191.038.908	-	159.106.354.616	-
Tổng	549.598.103.151	(227.211.703)	539.987.943.985	(227.211.703)

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.13 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng (Trình bày lại)
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2021	6.037.579.700.214	1.307.178.304.214	151.345.449.695	10.289.966.128	23.934.842.918	7.530.328.263.169
Tăng trong năm	90.259.129.601	25.996.119.566	3.467.805.377	2.916.399.939	270.115.810	122.909.570.293
Mua trong năm	777.764.544	2.486.373.636	3.144.381.877	2.916.399.939	270.115.810	9.595.035.806
Đầu tư XDCB hoàn thành	89.481.365.057	23.509.745.930	323.423.500	-	-	113.314.534.487
Giảm trong năm	3.711.473.495	1.401.113.217	4.214.331.636	-	-	9.326.918.348
Thanh lý nhượng bán	-	-	600.000.000	-	-	600.000.000
Thanh lý nhượng bán	3.486.782.684	1.401.113.217	3.614.331.636	-	-	8.502.227.537
Giảm khác	224.690.811	-	-	-	-	224.690.811
Số dư tại ngày 31/12/2021	6.124.127.356.320	1.331.773.310.563	150.598.923.436	13.206.366.067	24.204.958.728	7.643.910.915.114
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2021	2.582.515.967.621	779.534.816.123	109.549.530.429	7.569.817.206	16.951.742.772	3.496.121.874.151
Tăng trong năm	238.372.646.751	73.218.642.037	9.673.281.090	1.155.510.158	922.591.459	323.342.671.495
Khấu hao tài sản quỹ phúc lợi	200.443.944	-	-	-	-	200.443.944
Khấu hao trong năm	238.172.202.807	73.218.642.037	9.673.281.090	1.155.510.158	922.591.459	323.142.227.551
Giảm trong năm	3.974.962.041	1.319.502.217	1.962.218.087	-	-	7.256.682.345
Thanh lý nhượng bán	3.750.271.230	1.319.502.217	1.962.218.087	-	-	7.031.991.534
Giảm khác	224.690.811	-	-	-	-	224.690.811
Số dư tại ngày 31/12/2021	2.816.913.652.331	851.433.955.943	117.260.593.432	8.725.327.364	17.874.334.231	3.812.207.863.301
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại ngày 01/01/2021	3.455.063.732.593	527.643.488.091	41.795.919.266	2.720.148.922	6.983.100.146	4.034.206.389.018
Số dư tại ngày 31/12/2021	3.307.213.703.989	480.339.354.620	33.338.330.004	4.481.038.703	6.330.624.497	3.831.703.051.813

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.13 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

Giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31/12/2021 là 1.262.306.761.299 VND (tại ngày 31/12/2020 là 2.586.237.607.738 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 1.336.852.304.379 VND (tại ngày 31/12/2020 là 1.150.458.127.428 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý tại 31/12/2021 với giá trị 7.904.708.341 VND (tại ngày 31/12/2020 là 6.915.375.081 VND).

5.14 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH*Đơn vị tính: VND*

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tài sản cố định vô hình khác</u>	<u>Tổng (Trình bày lại)</u>
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2021	2.223.997.602.047	1.495.695.808	268.393.963.806	2.493.887.261.661
Tăng trong năm	38.259.847.971	-	-	38.259.847.971
Xây dựng cơ bản hoàn thành	38.259.847.971	-	-	38.259.847.971
Giảm trong năm	7.939.016.227	-	-	7.939.016.227
Thanh lý, nhượng bán	6.910.848.000	-	-	6.910.848.000
Giảm khác	1.028.168.227	-	-	1.028.168.227
Số dư tại ngày 31/12/2021	2.254.318.433.791	1.495.695.808	268.393.963.806	2.524.208.093.405
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2021	428.745.078.300	1.481.441.808	52.652.910.611	482.879.430.719
Tăng trong năm	47.217.237.270	7.124.000	5.288.594.001	52.512.955.271
Khấu hao trong năm	47.217.237.270	7.124.000	5.288.594.001	52.512.955.271
Giảm trong năm	68.526.185	-	-	68.526.185
Giảm khác	68.526.185	-	-	68.526.185
Số dư tại ngày 31/12/2021	475.893.789.385	1.488.565.808	57.941.504.612	535.323.859.805
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại ngày 01/01/2021	1.795.252.523.747	14.254.000	215.741.053.195	2.011.007.830.942
Số dư tại ngày 31/12/2021	1.778.424.644.406	7.130.000	210.452.459.194	1.988.884.233.600

Giá trị còn lại của các tài sản cố định vô hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31/12/2021 là 1.228.658.275.728 VND (tại ngày 31/12/2020 là 1.230.760.407.091 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.14 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (Tiếp theo)

Stt	Mục đích sử dụng đất	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Nguyên giá (VND)	Thời hạn
1	Trụ sở Tổng công ty IDICO	151 Ter, Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Q3, TP. HCM	358	515.419.200	50 năm
2	Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5	Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	3.093.931	54.412.559.268	Đến năm 2052
3	Khu công nghiệp Mỹ Xuân A	Huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	3.582.751	91.966.866.543	Đến năm 2052
4	Nhà máy thủy điện Đak mi 3	Huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam	1.960.484	60.146.693.250	Đến năm 2059
5	Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 và Phú Mỹ 2 mở rộng	Huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	10.214.700	1.381.738.373.767	Đến năm 2058
6	Khu công nghiệp Cầu Nghìn	Huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	440.769,6	52.759.299.440	Đến năm 2068
7	Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1	Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	3.918.700	56.648.720.923	Đến năm 2048
8	Khu công nghiệp Kim Hoa	Phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	500.000	36.518.318.431	Đến năm 2053
9	Cửa hàng xăng dầu IDICO - MCI	Xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	510,1	338.905.900	Đến năm 2043
10	Lòng hồ, đường dây thủy điện Srok Phu Miêng	Các huyện Bù Gia Mập, Phú Riềng, Hớn Quản, Lộc Ninh và Bù Đốp tỉnh Bình Phước	16.460.789	211.693.560.591	Đến năm 2057
11	Khu đầu mối thủy điện Srok Phu Miêng	Xã Long Bình, huyện Phú Riềng và xã Thanh An, huyện Hớn Quản tỉnh Bình Phước	753.592	3.005.563.951	Đến năm 2057
12	Trụ sở IDICO - LINCO	Số 88, QL1 (tuyến tránh), phường 6, TP. Tân An, tỉnh Long An	920,5	2.671.039.898	Lâu dài
13	Trụ sở IDICO - CONAC	Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	8.137	51.344.488.700	Lâu dài
14	Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1	Huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2.121.607,4	226.997.454	Đến năm 2062
15	Trụ sở IDICO - INCON	Số 100, đường Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	80,4	2.389.054.000	Lâu dài
16	Khu công nghiệp Quế Võ 2	Xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	1.195.524,1	247.942.572.475	Đến năm 2057
	Tổng		44.252.854	2.254.318.433.791	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.15 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Số cuối năm VND
Nguyên giá	158.596.007.375	-	-	158.596.007.375
Nhà chung cư T1, T2, T3 và T4	142.549.640.402	-	-	142.549.640.402
Chung cư 5 tầng số 1	8.538.454.666	-	-	8.538.454.666
Chung cư 5 tầng số 2	7.507.912.307	-	-	7.507.912.307
Giá trị hao mòn lũy kế	37.759.360.840	6.551.541.700	-	44.310.902.540
Nhà chung cư T1, T2, T3 và T4	27.644.194.176	5.672.483.608	-	33.316.677.784
Chung cư 5 tầng số 1	5.332.620.729	475.133.888	-	5.807.754.617
Chung cư 5 tầng số 2	4.782.545.935	403.924.204	-	5.186.470.139
Giá trị còn lại	120.836.646.535	-	6.551.541.700	114.285.104.835
Nhà chung cư T1, T2, T3 và T4	114.905.446.226	-	5.672.483.608	109.232.962.618
Chung cư 5 tầng số 1	3.205.833.937	-	475.133.888	2.730.700.049
Chung cư 5 tầng số 2	2.725.366.372	-	403.924.204	2.321.442.168

(i) Bất động sản đầu tư của IDICO - URBIZ tại ngày 31/12/2021 gồm Chung cư T1, T2, T3 và T4 - Công trình Khu nhà ở Công nhân tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, được IDICO - URBIZ sử dụng để cho công nhân và cán bộ nhân viên trong khu công nghiệp thuê.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong năm với số tiền lần lượt là 12.924.801.294 VND và 9.993.688.318 VND.

(ii) Bất động sản đầu tư của IDICO - UDICO tại ngày 31/12/2021 gồm Chung cư 5 tầng Hiệp Phước số 01 và Chung cư 5 tầng Hiệp Phước số 02 tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, được IDICO - UDICO sử dụng để cho công nhân và cán bộ nhân viên trong khu công nghiệp thuê.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong năm với số tiền lần lượt là 2.799.652.138 VND và 2.627.974.010 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2021 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng công ty chưa có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.16 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND (trình bày lại)
a) Chi mua sắm	-	30.363.636
Chi mua sắm	-	30.363.636
b) Chi xây dựng cơ bản dở dang	4.607.534.217.904	3.702.469.886.636
Khu công nghiệp Hựu Thạnh	2.704.134.114.945	2.322.129.394.499
Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng	532.297.348.996	475.548.196.349
Khu công nghiệp Quế Võ 2	215.091.487.636	123.622.627.940
Khu công nghiệp Cầu Ngìn	132.574.868.713	108.246.534.977
Cầu Tân Kỳ Tân Quý, thành phố Hồ Chí Minh	148.717.804.267	138.478.556.548
Khu công nghiệp Phú Mỹ 2	126.455.229.751	101.504.689.195
Khu tái định cư khu công nghiệp Hựu Thạnh	63.494.495.591	60.040.898.827
Khu dân cư, nhà ở công nhân khu công nghiệp Hựu Thạnh	436.004.989.949	197.095.588.574
Nhà máy thủy điện Đak Mi 3	55.190.428.789	7.519.702.234
Các dự án khác	193.573.449.267	168.283.697.493
Tổng	4.607.534.217.904	3.702.500.250.272

5.17 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn	1.755.605.298	10.669.294.205
Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ	1.240.391.987	1.005.526.587
Giá trị lợi thế kinh doanh	-	3.341.930.810
Chi phí tiếp thị dự án khu dân cư trung tâm phường 6 mở rộng	-	4.528.181.818
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	515.213.311	1.793.654.990
b) Dài hạn	632.062.734.348	523.814.965.066
Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ	8.034.491.153	-
Chi phí trả trước tiền thuê đất	485.096.281.877	489.662.130.241
<i>Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 (i)</i>	84.824.213.123	84.824.213.123
<i>Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 (i)</i>	139.754.811.831	139.754.811.831
<i>Khu công nghiệp Kim Hoa (ii)</i>	65.666.428.318	68.128.919.378
<i>Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 (iii)</i>	55.370.638.556	57.473.995.860
<i>Khu công nghiệp Quế Võ 2 (iv)</i>	58.499.706.049	58.499.706.049
<i>Khu công nghiệp Hựu Thạnh (v)</i>	80.980.484.000	80.980.484.000
Giá trị lợi thế kinh doanh	-	922.598.484
Chi phí sửa chữa	114.825.802.010	10.589.964.904
Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ	1.510.314.270	7.399.342.300
Chi phí xúc tiến đầu tư khu công nghiệp	3.529.143.110	5.293.714.665
Chi phí trả trước khác	19.066.701.928	9.947.214.472
Tổng	633.818.339.646	534.484.259.271

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.17 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (Tiếp theo)

(i) Chi phí trả trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 (tỉnh Đồng Nai) sẽ được phân bổ từ năm 2022-2053 và tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) sẽ được phân bổ từ năm 2034-2055 là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần đối với diện tích đất đã cho thuê lại, thu tiền một lần theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước năm 2016. Tại ngày 31/12/2021, Tổng công ty đang trong giai đoạn được miễn tiền thuê đất nên Tổng công ty chưa phân bổ các khoản tiền thuê đất này vào chi phí.

(ii) Chi phí trả trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Kim Hoa (tỉnh Vĩnh Phúc) là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê đất và sẽ được phân bổ từ năm 2003-2053. Tại ngày 31/12/2021, IDICO - URBIZ đang tiếp tục phân bổ theo thời hạn thuê đất của Khu công nghiệp này.

(iii) Chi phí trả trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 (tỉnh Đồng Nai) là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê đất và sẽ được phân bổ từ năm 1998-2048. Tại ngày 31/12/2021, IDICO - URBIZ đang tiếp tục phân bổ theo thời hạn thuê đất của Khu công nghiệp này.

(iv) Chi phí trả trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Quế Võ 2 (tỉnh Bắc Ninh) là giá trị tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng sẽ được trừ vào tiền thuê đất phải nộp theo biên bản làm việc ngày 29/10/2014 của IDCO - QUEVO với Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh về việc xác định các khoản được trừ về tiền bồi thường giải phóng mặt bằng vào số tiền thuê đất phải nộp. Tại ngày 31/12/2021, IDICO - QUEVO đang trong giai đoạn được miễn tiền thuê đất nên Công ty chưa phân bổ các khoản tiền thuê đất này vào chi phí.

(v) Chi phí trả trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Hựu Thạnh (tỉnh Long An) là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê đất và sẽ được phân bổ từ ngày 08/8/2034 đến ngày 06/8/2069. Tại ngày 31/12/2021, Tổng công ty đang trong giai đoạn đầu tư và được miễn tiền thuê đất nên Tổng công ty chưa phân bổ các khoản tiền thuê đất này vào chi phí.

5.18 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ do trích dự phòng chi phí duy tu sửa chữa dự án BOT An Sương - An Lạc	9.695.672.038	9.790.768.530

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.19 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Lợi thế thương mại đầu tư dài hạn vào IDICO - SHP	54.392.835.500	54.392.835.500
Lợi thế thương mại đầu tư dài hạn vào IDICO - IDI	57.655.374.376	57.655.374.376
Lợi thế thương mại đầu tư dài hạn vào IDICO - TCC	2.084.567.319	2.084.567.319
Tổng	114.132.777.195	114.132.777.195
Đã phân bổ vào chi phí các năm trước	103.004.571.817	96.822.120.915
Đã phân bổ vào chi phí trong năm	6.182.450.902	6.182.450.902
Lợi thế thương mại còn phân bổ	4.945.754.476	11.128.205.378

5.20 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2021	Số phải nộp	Số đã nộp	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	(Trình bày lại)	trong năm	trong năm	31/12/2021
Phải nộp	226.853.028.536	372.887.629.684	494.801.485.548	104.939.172.672
Thuế GTGT	13.041.212.740	116.329.877.451	111.045.916.822	18.325.173.369
Thuế thu nhập doanh nghiệp	187.563.455.888	166.561.699.563	289.219.506.437	64.905.649.014
Thuế thu nhập cá nhân	4.596.388.920	32.796.581.938	34.136.591.444	3.256.379.414
Thuế tài nguyên	4.135.413.662	38.603.742.983	38.186.051.153	4.553.105.492
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.684.794.677	4.332.912.158	4.029.272.294	1.988.434.541
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	15.831.762.649	14.262.815.591	18.184.147.398	11.910.430.842
Phải thu	464.721.109	416.989.603	-	47.731.506
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	67.418.220	64.041.783	-	3.376.437
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	129.931.634	129.931.634	-	-
Các khoản khác phải thu nhà nước	267.371.255	223.016.186	-	44.355.069

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.21 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND) (Trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	57.301.992.360	57.301.992.360	61.121.283.440	61.121.283.440
Các đối tượng còn lại	243.124.089.042	243.124.089.042	242.267.516.931	242.267.516.931
Tổng	300.426.081.402	300.426.081.402	303.388.800.371	303.388.800.371
<i>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)</i>	<i>7.832.004.960</i>	<i>7.832.004.960</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

5.22 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn	55.260.171.305	102.523.627.379
Khách hàng mua đất KDCTT mở rộng P6	5.870.900.000	5.870.900.000
BQL Dự án đầu tư Nhà máy sứ Viglacera Mỹ Xuân - Chi nhánh Tổng công ty Viglacera - CTCP	1.070.736.800	6.214.453.800
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng các công trình giao thông	24.983.493.614	31.629.893.839
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình Quận 9	8.745.502.866	5.234.239.697
Công ty Cổ phần phát triển khu công nghiệp và Đô thị Thủ Thừa IDICO-CONAC	-	9.539.684.587
Công ty TNHH Dịch vụ kho vận PTL	-	5.579.227.253
Các đối tượng khác	14.589.538.025	38.455.228.203
a) Dài hạn	155.481.224.376	100.358.684.583
Khách hàng mua nhà ở hình thành trong tương lai (i)	155.481.224.376	100.358.684.583
Tổng	210.741.395.681	202.882.311.962

(i) Đây là khoản người mua trả tiền trước liên quan đến Dự án Khu dân cư Trung tâm Mở rộng phường 6 do Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO làm chủ đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.23 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND (trình bày lại)
a) Ngắn hạn	33.642.666.828	39.984.767.347
Chi phí lãi vay dự trả	12.883.904.711	8.683.257.616
Chi phí thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng	455.075.720	1.250.266.752
Chi phí công trình Mở rộng Quốc lộ 1A Km 848 +875 - Km 890 +200 Thừa Thiên Huế	-	1.069.912.441
Chi phí san nền KCN Hựu Thạnh	-	6.586.941.319
Chi phí Nhà máy xử lý nước thải Phú Mỹ 2	748.387.558	748.387.558
Chi phí xây dựng HTXL nước thải khu dân cư phường 6	-	4.459.255.006
Chi phí Dự án KCN Mỹ Xuân A	9.667.772.701	9.667.772.701
Chi phí Dự án và Nhà máy XL nước thải KCN Mỹ Xuân A	1.005.581.484	-
Chi phí phải trả khác	8.881.944.654	7.518.973.954
b) Dài hạn	213.372.272	1.146.513.584
Chi phí phải trả dài hạn khác	213.372.272	1.146.513.584
Tổng	33.856.039.100	41.131.280.931

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.24 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
	VND	(trình bày lại)
a) Ngắn hạn	246.768.425.868	257.452.876.947
Tài sản thừa chờ giải quyết	142.537.332	-
Kinh phí công đoàn	1.562.513.580	1.524.393.250
Bảo hiểm xã hội	302.183.845	165.997.156
Bảo hiểm y tế	41.658.966	49.127.069
Bảo hiểm thất nghiệp	10.546.777	21.414.329
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	127.439.625.405	116.283.747.659
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	15.158.601.794	52.610.676.028
Các khoản phải trả, phải nộp khác (i)	102.110.758.169	86.797.521.456
b) Dài hạn	84.895.453.749	8.185.106.902
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.627.700.000	4.777.700.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	81.267.753.749	3.407.406.902
Tổng	331.663.879.617	265.637.983.849

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
	VND	(trình bày lại)
(i) Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
Ban Điều hành dự án Khu căn hộ cao tầng Tân Phú IDICO	-	797.586.933
Đền bù các hộ dân quận 7 và Nhà Bè	2.007.375.652	2.007.375.652
Công ty cổ phần BOT Quốc lộ 2	20.171.952.000	20.171.952.000
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự án phường 6, mở rộng	4.098.510.805	3.512.518.188
Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh (ii)	45.103.258.837	45.103.258.837
Phải trả ngắn hạn khác	30.729.660.875	15.204.829.846
Tổng	102.110.758.169	86.797.521.456

(ii) Hoàn trả theo Thỏa thuận ngày 22/8/2019 giữa Tổng công ty IDICO và Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh (Đại Quang Minh) về việc hoàn trả các chi phí liên quan đến khu đất khoảng 26,4ha nằm về phía Bắc Quốc lộ 10 thuộc Dự án Khu công nghiệp Cầu Nginh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.25 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2021 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2021 (VND) (Trình bày lại)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.447.732.373.621	1.447.732.373.621	1.825.056.139.877	1.042.825.133.544	665.501.367.288	665.501.367.288
a1. Vay ngắn hạn (i)	1.169.398.567.981	1.169.398.567.981	1.542.559.834.237	716.074.178.556	342.912.912.300	342.912.912.300
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.Hồ Chí Minh	228.836.182.429	228.836.182.429	198.937.019.089	60.000.000.000	89.899.163.340	89.899.163.340
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Đăng Nai	24.753.497.327	24.753.497.327	166.491.456.883	288.563.789.177	146.825.829.621	146.825.829.621
Ngân hàng OCB- Chi nhánh TP.HCM	750.000.000.000	750.000.000.000	750.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Cần Thơ	12.028.356.984	12.028.356.984	25.588.769.409	21.327.176.800	7.766.764.375	7.766.764.375
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Phước	-	-	5.215.374.000	5.215.374.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Phước	24.817.088.548	24.817.088.548	54.638.185.084	59.483.871.580	29.662.775.044	29.662.775.044
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Long An	58.588.838.945	58.588.838.945	128.751.376.280	125.121.417.837	54.958.880.502	54.958.880.502
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch 2	-	-	7.050.505.254	7.050.505.254	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thừa Thiên Huế	49.503.277.550	49.503.277.550	59.503.277.550	10.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam -CN Long An	-	-	24.992.196.622	37.542.196.622	12.550.000.000	12.550.000.000
Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam - CN Thái Bình (1)	-	-	1.208.013.115	2.457.512.533	1.249.499.418	1.249.499.418

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.25 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	31/12/2021 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2021 (VND) (Trình bày lại)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Bà Rịa - Vũng Tàu	12.008.249.028	12.008.249.028	98.409.583.781	86.401.334.753	-	-
Ngân hàng Shinhan Bank Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh	8.863.077.170	8.863.077.170	21.774.077.170	12.911.000.000	-	-
a2. Nợ dài hạn đến hạn trả	278.333.805.640	278.333.805.640	282.496.305.640	326.750.954.988	322.588.454.988	322.588.454.988
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh	64.396.000.000	64.396.000.000	64.396.000.000	64.396.000.000	64.396.000.000	64.396.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai	-	-	-	79.533.696.855	79.533.696.855	79.533.696.855
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Quảng Nam	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Đăng	12.810.805.640	12.810.805.640	17.910.805.640	14.568.216.466	9.468.216.466	9.468.216.466
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	112.377.000.000	112.377.000.000	112.377.000.000	77.368.000.000	77.368.000.000	77.368.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Quảng Ngãi	-	-	-	100.475.000	100.475.000	100.475.000
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	-	-	-	447.066.667	447.066.667	447.066.667
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Long An	8.750.000.000	8.750.000.000	7.812.500.000	10.337.500.000	11.275.000.000	11.275.000.000

(i) Vay ngắn hạn của Tổng công ty phản ánh các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, bằng đồng Việt Nam cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Tổng công ty đã sử dụng các tài sản cố định hữu hình, vô hình và các hợp đồng tiền gửi để thế chấp cho khoản vay này. Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất trong khoảng từ 4,9%/năm đến 6,5%/năm tùy theo quy định của các ngân hàng thương mại tại nơi hoạt động của Tổng công ty và mỗi công ty con. Các khoản vay này có thời hạn vay từ 03 tháng đến 12 tháng được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.25 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	31/12/2021 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2021 (VND) (Trình bày lại)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (i)	2.084.649.567.594	2.084.649.567.594	312.003.132.940	316.281.504.712	2.088.927.939.366	2.088.927.939.366
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP.Hồ Chí Minh	768.639.614.773	768.639.614.773	300.825.838.404	64.396.000.000	532.209.776.369	532.209.776.369
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai	405.000.000	405.000.000	3.266.059.429	33.723.665.739	30.862.606.310	30.862.606.310
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Quảng Nam	540.246.251.115	540.246.251.115	-	80.000.000.000	620.246.251.115	620.246.251.115
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đồng Nai	1.060.000.000	1.060.000.000	7.911.235.107	17.748.805.640	10.897.570.533	10.897.570.533
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	763.986.201.706	763.986.201.706	-	112.377.000.000	876.363.201.706	876.363.201.706
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Long An	10.312.500.000	10.312.500.000	-	7.812.500.000	18.125.000.000	18.125.000.000
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam -CN Cần Thơ	-	-	-	223.533.333	223.533.333	223.533.333
Tổng	3.532.381.941.215	3.532.381.941.215	2.137.059.272.817	1.359.106.638.256	2.754.429.306.654	2.754.429.306.654

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.25 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

Thời hạn	Kỳ này (VND) Trả nợ gốc	Kỳ trước (VND) Trả nợ gốc
Trong vòng 1 năm	1.447.732.373.621	439.984.720.728
Trong năm thứ hai	694.505.383.000	694.694.223.466
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.390.144.184.594	1.619.750.362.460

Phân loại các khoản vay dài hạn

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Số dư vay bằng VND	3.532.381.941.215	2.754.429.306.654
Tín chấp	1.169.398.567.981	342.912.912.300
Bảo đảm bằng tài sản của TCT	2.362.983.373.234	2.411.516.394.354
Vay theo lãi suất thả nổi	3.532.381.941.215	2.754.429.306.654

Lãi suất vay thả nổi từ 8,19%/năm đến 8,8%/năm.

5.26 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND (trình bày lại)
a) Ngắn hạn	204.305.841.413	162.501.697.960
Doanh thu nhận trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp:	204.292.534.598	162.501.697.960
- Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5	46.729.375.900	46.729.375.899
- Khu công nghiệp Phú Mỹ 2	50.011.162.644	42.394.800.420
- Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1	28.180.515.232	28.193.843.057
- Khu công nghiệp Quế Võ 2	27.217.238.065	20.071.052.217
- Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng	37.298.058.980	10.268.478.864
- Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1	8.287.249.714	8.293.634.142
- Khu công nghiệp Kim Hoa	4.041.091.207	4.041.091.207
- Khu công nghiệp Cầu Ngàn	679.979.528	679.979.528
- Khu công nghiệp Hựu Thạnh	1.831.830.117	-
- Khu công nghiệp Mỹ Xuân A	16.033.211	1.829.442.626
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	13.306.815	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.26 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN (Tiếp theo)

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND (trình bày lại)
b) Dài hạn	6.048.082.495.026	5.325.283.575.358
Doanh thu nhận trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp:	6.047.854.831.945	5.325.156.445.774
- Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5	1.395.147.495.532	1.441.876.871.431
- Khu công nghiệp Phú Mỹ 2	1.506.220.836.895	1.416.748.011.384
- Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1	1.061.356.532.559	1.068.196.714.163
- Khu công nghiệp Quế Võ 2	900.891.617.020	671.296.480.405
- Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng	822.228.326.824	375.741.885.830
- Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1	207.295.583.376	215.685.134.794
- Khu công nghiệp Kim Hoa	104.058.098.564	108.099.189.771
- Khu công nghiệp Cầu Nghìn	26.832.178.468	27.512.157.996
- Khu công nghiệp Hựu Thạnh	23.824.162.707	-
Doanh thu nhận trước dài hạn khác	227.663.081	127.129.584
Tổng	6.252.388.336.439	5.487.785.273.318

5.27 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Điều chỉnh dự phòng đầu tư tài chính khi hợp nhất IDICO	127.431.394.957	71.927.647.990
Điều chỉnh dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn và dài hạn khi hợp nhất IDICO	33.373.375.039	32.692.177.417
Tổng	160.804.769.996	104.619.825.407
Thuế suất	20%	20%
Tổng	32.160.953.999	20.923.965.081

5.28 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn	1.778.922.726	-
Chi phí sửa chữa vừa và lớn các dự án ngắn hạn theo dự toán	1.778.922.726	-
b) Dài hạn	192.792.694.682	196.706.957.531
Chi phí sửa chữa vừa và lớn dự án BOT An Sương - An Lạc	192.134.518.047	195.815.370.616
Các khoản khác	658.176.635	891.586.915
Tổng	194.571.617.408	196.706.957.531

TỔNG CÔNG TY IDICO – CTCP

151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.29 VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (iii)	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2020	3.000.000.000.000	41.896.673.847	2.748.559.983	-	(59.296.653.028)	210.707.521.204	254.047.712.249	782.499.101.215	4.232.602.915.470
Tăng trong năm	-	-	15.300.000.000	-	-	-	873.176.327.464	125.227.643.687	1.013.703.971.151
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	873.176.327.464	125.227.643.687	998.403.971.151
Tăng do tăng vốn điều lệ của IDICO - CONAC	-	-	15.300.000.000	-	-	-	-	-	15.300.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	(25.500)	-	(9.842.846.610)	(150.687.170.168)	(127.824.391.347)	(288.354.433.625)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(90.000.000.000)	(112.486.083.900)	(202.486.083.900)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	-	(54.244.416.778)	(15.338.282.947)	(69.582.699.725)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	(985.600.000)	-	-	(985.600.000)
Do sử dụng để tăng vốn điều lệ IDICO - CONAC	-	-	-	-	-	(8.857.246.610)	(6.442.753.390)	-	(15.300.000.000)
Do IDICO-CONAC mua lại cổ phiếu lẻ làm cổ phiếu quỹ khi tăng vốn	-	-	-	(25.500)	-	-	-	(24.500)	(50.000)
Số dư ngày tại 31/12/2020	3.000.000.000.000	41.896.673.847	18.048.559.983	(25.500)	(59.296.653.028)	200.864.674.594	976.536.869.545	779.902.353.555	4.957.952.452.996

TỔNG CÔNG TY IDICO – CTCP

151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.29 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (iii)	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng (trình bày lại)
Số dư tại ngày 01/01/2021	3.000.000.000.000	41.896.673.847	18.048.559.983	(25.500)	(59.296.653.028)	200.864.674.594	976.536.869.545	779.902.353.555	4.957.952.452.996
Tăng trong năm	-	-	10.199.959.200	-	16.936.070.477	6.387.061.105	485.971.655.300	448.519.170.501	968.013.916.583
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	454.308.070.139	123.719.209.701	578.027.279.840
Tăng do tăng vốn điều lệ của IDICO - CONAC	-	-	10.199.959.200	-	-	-	-	-	10.199.959.200
Lợi ích không kiểm soát của IDICO - ITC	-	-	-	-	-	-	-	315.000.000.000	315.000.000.000
Chuyển quỹ đầu tư phát triển và tăng vốn điều lệ bằng lợi nhuận sau thuế của công ty con	-	-	-	-	-	-	31.663.585.161	9.799.960.800	41.463.545.961
Do thay đổi tỉ lệ sở hữu	-	-	-	-	16.936.070.477	6.387.061.105	-	-	23.323.131.582
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	(21.463.625.961)	(776.414.004.719)	(100.052.203.995)	(897.929.834.675)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	-	-	(720.000.000.000)	(72.032.779.610)	(792.032.779.610)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	-	(9.238.980.453)	(2.992.902.858)	(12.231.883.311)
Trích thưởng Ban điều hành (i)	-	-	-	-	-	-	(3.503.580.000)	(1.204.420.000)	(4.708.000.000)
Điều chỉnh giám quỹ đầu tư phát triển của IDICO-SHP (ii)	-	-	-	-	-	(21.463.625.961)	-	(20.621.915.139)	(42.085.541.100)
Do điều chỉnh hợp nhất	-	-	-	-	-	-	(43.671.444.266)	(3.200.186.388)	(46.871.630.654)
Số dư tại ngày 31/12/2021	3.000.000.000.000	41.896.673.847	28.248.519.183	(25.500)	(42.360.582.551)	185.788.109.738	686.094.520.126	1.128.369.320.061	5.028.036.534.904

(i) Phân phối lợi nhuận trong năm của Tổng công ty và các công ty căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

(ii) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/5/2021 của Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2021 của IDICO-SHP đã thống nhất chuyển quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận sau thuế với số tiền: 42.085.541.100 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.29 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

(iii) Theo Nghị quyết ngày 28/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ IDICO từ 3.000.000.000.000 VND lên 4.500.000.000.000 VND, số lượng cổ phần phát hành thêm 150.000.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần, giá phát hành 15.000 VND/cổ phần. Tuy nhiên, hiện nay IDICO đã thực hiện cân đối được nguồn vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và các dự án đầu tư. Vì vậy, Hội đồng quản trị Tổng công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc không thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ nêu trên của Tổng công ty IDICO tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đối tượng	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)		Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
			Tỷ lệ	Tỷ lệ		
Công ty TNHH Tập đoàn BITECO		-	-	22,50%	67.500.000	675.000.000.000
Công ty cổ phần Tập đoàn SSG	22,50%	67.500.000	675.000.000.000	22,50%	67.500.000	675.000.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Bách Việt	11,93%	35.783.000	357.830.000.000	3,60%	10.800.000	108.000.000.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	65,57%	196.717.000	1.967.170.000.000	51,40%	154.200.000	1.542.000.000.000
Tổng	100%	300.000.000	3.000.000.000.000	100%	300.000.000	3.000.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
<i>Cổ tức đã tạm ứng và đã chia</i>	<i>(720.000.000.000)</i>	<i>(90.000.000.000)</i>

d. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	300.000.000	300.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	300.000.000	300.000.000
Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	300.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	300.000.000	300.000.000
Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	300.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.30 LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Từ ngày 01 tháng 01		
Vốn điều lệ của các công ty con	2.534.991.920.000	1.614.992.000.000
Trong đó:		
Vốn phân bổ cho công ty mẹ	1.718.446.029.200	1.108.675.810.000
Vốn phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	816.545.890.800	506.316.190.000
Chi tiết như sau:		
Vốn của cổ đông không kiểm soát	816.545.890.800	506.316.190.000
Thặng dư vốn cổ phần	12.421.422.800	12.421.422.800
Vốn khác của chủ sở hữu	2.090.885.410	2.090.885.410
Cổ phiếu quỹ	(24.500)	(24.500)
Lợi nhuận sau thuế lũy kế	149.237.929.186	82.259.386.920
Quỹ đầu tư phát triển	148.073.216.365	176.814.492.925
Tổng	1.128.369.320.061	779.902.353.555

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND (Trình bày lại)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.318.462.878.079	5.356.252.901.439
Doanh thu kinh doanh điện	2.697.681.878.308	2.859.374.011.289
Doanh thu hoạt động xây dựng	129.710.616.011	206.307.369.559
Doanh thu thu phí đường bộ	308.603.172.723	375.164.040.890
Doanh thu kinh doanh bất động sản	149.386.095.613	68.664.899.597
Doanh thu hạ tầng Khu công nghiệp	690.100.801.716	1.457.396.610.185
Doanh thu sản phẩm và dịch vụ khác	342.980.313.708	389.345.969.919
Các khoản giảm trừ doanh thu	17.226.386.838	209.359.182
Giảm giá hàng bán	493.276.845	209.359.182
Hàng bán bị trả lại	16.733.109.993	-
Doanh thu thuần	4.301.236.491.241	5.356.043.542.257
<i>Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)</i>	<i>10.676.660.233</i>	<i>29.412.711.715</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND (Trình bày lại)
Giá vốn kinh doanh điện	2.540.823.278.388	2.668.986.225.587
Giá vốn hoạt động xây dựng	114.284.591.094	177.544.452.743
Giá vốn thu phí đường bộ	137.837.854.989	156.416.579.954
Giá vốn kinh doanh bất động sản	25.233.281.895	26.940.307.479
Giá vốn hạ tầng Khu công nghiệp	558.018.779.446	520.665.594.580
Giá vốn sản phẩm và dịch vụ khác	197.072.983.829	319.675.987.975
Giá vốn hàng bán trả lại	(9.468.998.000)	-
Tổng	3.563.801.771.641	3.870.229.148.318

6.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	106.239.226.382	128.782.705.903
Lãi bán các khoản đầu tư	492.074.778.823	9.114.730.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.896.788.000	11.766.211.200
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	169.056.369
Tổng	605.210.793.205	149.832.703.472

6.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	173.228.238.197	232.262.186.049
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	120.505.791.877	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	210.357.269	-
Dự phòng các khoản đầu tư	362.432.731	(2.123.469.949)
Chi phí tài chính khác	54.401.436	154.266.722
Tổng	294.361.221.510	230.292.982.822

6.5 PHÂN LÃI TRONG CÔNG TY LIÊN KẾT

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
BVEC	(71.699.286.757)	(7.998.541.193)
LAMA IDICO	366.252.206	1.264.365.224
DAK MI JSC	-	30.412.141.484
Tổng	(71.333.034.551)	23.677.965.515

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.6 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên	30.444.120.834	32.597.664.340
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	12.120.095.558	8.490.686.665
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	9.165.230.831	3.477.702.008
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.991.116.170	4.229.551.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.067.211.276	11.845.647.667
Chi phí bằng tiền khác	3.531.481.356	3.895.053.605
Chi phí chiết khấu, hoa hồng, môi giới, khuyến mãi	1.064.452.266	842.341.050
Tổng	71.383.708.291	65.378.646.368

6.7 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	109.796.898.761	97.300.046.143
Chi phí vật liệu quản lý	3.012.509.766	3.151.996.821
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.226.648.016	1.808.433.926
Chi phí khấu hao TSCĐ và chi phí phân bổ	13.105.847.139	13.735.586.173
Thuế phí và lệ phí	2.636.185.543	2.095.261.487
Chi phí dự phòng	11.020.136.563	2.351.769.837
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.828.709.654	9.130.626.134
Chi phí bằng tiền khác	31.089.170.797	48.727.982.485
Phân bổ lợi thế thương mại	6.182.450.902	6.182.450.901
Tổng	188.898.557.141	184.484.153.907

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.8 LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	6.776.895.751	1.337.503.000
Chênh lệch định giá tài sản Dự án Cảng Mỹ Xuân A và góp vốn thành lập Công ty TNHH Cảng quốc tế Mỹ Xuân	-	45.000.000.000
Hợp tác đầu tư tài sản và vận hành đường dây 220kV NMTĐ Đak Mi 3-Đak Mi 4 và quản lý vận hành ngăn lộ Nhà máy Thủy điện Đak Mi 2	35.000.000.000	-
Các khoản khác	15.564.137.714	22.614.874.903
Tổng	57.341.033.465	68.952.377.903
<i>Chi phí khác</i>		
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	13.422.581	9.090.909
Chênh lệch giá trị đầu tư và giá trị góp vốn của Dự án Cảng Mỹ Xuân A	-	2.947.220.947
Các khoản khác	17.827.427.454	12.460.463.114
Tổng	17.840.850.035	15.416.774.970
Lợi nhuận khác	39.500.183.430	53.535.602.933

6.9 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND (Trình bày lại)
Tổng công ty IDICO	85.718.136.763	171.482.573.516
Công ty IDICO-URBIZ	16.309.137.739	14.809.343.049
Công ty IDICO-ICC	933.029.891	985.676.934
Công ty IDICO-UDICO	13.788.757.429	12.960.668.205
Công ty IDICO-SHP	24.137.835.547	8.530.377.503
Công ty IDICO-IDI	8.756.995.612	13.598.100.387
Công ty IDICO-LINCO	6.636.730.092	5.051.667.228
Công ty IDICO-CONAC	6.689.476.632	11.668.017.498
Công ty IDICO-INCON	699.220.569	431.853.192
Công ty IDICO-QUE VO	1.968.761.368	-
Công ty IDICO-INCO 10	1.171.727.850	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	166.809.809.492	239.518.277.512

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.10 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông công ty mẹ	454.308.070.139	873.176.327.464
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(5.192.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	454.308.070.139	867.984.327.464
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	300.000.000	300.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.514	2.893

(i) Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành. Nếu Tổng công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Trình bày lại Chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020:

Số lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020 và việc Tổng công ty trình bày lại, phân loại lại số liệu so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, cụ thể như sau:

	Số đã Báo cáo (VND)	Số trình bày lại (VND)	Chênh lệch (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông công ty mẹ	304.426.070.953	873.176.327.464	568.750.256.511
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi		(5.192.000.000)	(5.192.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	304.426.070.953	867.984.327.464	563.558.256.511
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	300.000.000	300.000.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.015	2.893	1.879

6.12 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND (Trình bày lại)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	538.391.195.636	829.036.981.537
Chi phí nhân công	309.455.212.932	319.299.965.130
Chi phí khấu hao TSCĐ và chi phí phân bổ	388.589.619.368	509.867.362.763
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.659.880.894.753	2.815.451.508.450
Chi phí khác bằng tiền	140.418.385.161	168.984.005.688
Tổng	4.036.735.307.850	4.642.639.823.568

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Như đã trình bày tại TM số 5.4, ngày 28/2/2022 Hội đồng quản trị Tổng công ty có Nghị quyết về việc chấm dứt hiệu lực hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp của Tổng công ty vào Công ty TNHH Cảng Mỹ Xuân. Hiện nay, các bên đang hoàn thành thủ tục pháp lý để chấm dứt hiệu lực của Thỏa thuận chuyển nhượng vốn góp.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

7.2 Thông tin các bên liên quan**1) Danh sách các bên liên quan:**

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ	Tên viết tắt
1	Công ty CP Phát triển đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	Công ty liên kết	BVEC
2	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	Công ty liên kết	LAMA IDICO
3	Công ty cổ phần Thủy điện Đak Mi	Công ty liên kết	ĐAK MI JSC
4	Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ	Công ty liên kết	PFG
5	Ông Ninh Mạnh Hồng	Nguyên Chủ tịch HĐQT	
6	Ông Lê Bá Thọ	Chủ tịch HĐQT	
7	Ông Đặng Chính Trung	Thành viên HĐQT	
8	Ông Nguyễn Cao Nguyên	Thành viên HĐQT	
9	Ông Vũ Quang Bảo	Nguyên thành viên HĐQT	
10	Ông Trịnh Hùng Lâm	Nguyên thành viên HĐQT	
11	Ông Tôn Thất Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	
12	Ông Nguyễn Duy	Thành viên HĐQT	
13	Ông Nguyễn Cao Nguyên	Nguyên trưởng BKS	
14	Ông Hoàng Văn Hiến	Trưởng BKS	
15	Bà Lê Ánh Thu	Nguyên thành viên BKS	
16	Ông Đào Hữu Thắng	Thành viên BKS	
17	Bà Trần Thanh Linh	Thành viên BKS	
18	Ông Nguyễn Văn Đạt	Nguyên tổng giám đốc	
19	Ông Đặng Chính Trung	Tổng giám đốc	
20	Ông Nguyễn Hồng Hải	Phó Tổng giám đốc	
21	Ông Phan Văn Chung	Phó Tổng giám đốc	
22	Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng giám đốc	
23	Ông Phan Văn Chính	Phó Tổng giám đốc	
24	Ông Phạm Minh Hiệp	Nguyên Phó tổng giám đốc	
25	Bà Trần Thị Ngọc	Kế toán trưởng	
26	Và các thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân là bên liên quan nêu trên		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2 Thông tin các bên liên quan (Tiếp theo)**2) Lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác****a. Lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>
Ông Ninh Mạnh Hồng	Nguyên Chủ tịch HĐQT	395.002.857	1.690.592.000
Ông Lê Bá Thọ	Chủ tịch HĐQT	1.406.309.000	-
Ông Đặng Chính Trung	Thành viên HĐQT	155.554.000	864.710.000
Ông Nguyễn Cao Nguyên	Thành viên HĐQT	1.021.384.000	-
Ông Vũ Quang Bảo	Nguyên thành viên HĐQT	258.802.111	600.710.000
Ông Trịnh Hùng Lâm	Nguyên thành viên HĐQT	288.366.250	1.204.944.000
Ông Tôn Thất Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	248.889.000	-
Ông Nguyễn Duy	Thành viên HĐQT	88.889.000	-
Tổng		3.863.196.218	4.360.956.000

b. Lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>
Ông Nguyễn Cao Nguyên	Nguyên trưởng BKS	185.333.333	966.555.000
Ông Hoàng Văn Hiến	Trưởng BKS	991.878.806	974.361.000
Bà Lê Ánh Thu	Nguyên thành viên BKS	31.549.778	172.636.000
Ông Đào Hữu Thắng	Thành viên BKS	118.485.000	-
Bà Trần Thanh Linh	Thành viên BKS	85.558.000	-
Tổng		1.412.804.917	2.113.552.000

c. Lương và các lợi ích khác của Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>
Ông Nguyễn Văn Đạt	Nguyên tổng giám đốc	228.413.429	1.737.373.000
Ông Đặng Chính Trung	Tổng giám đốc	1.837.106.571	-
Ông Nguyễn Hồng Hải	Phó Tổng giám đốc	1.476.445.250	1.531.000.000
Ông Phan Văn Chung	Phó Tổng giám đốc	1.441.285.667	1.428.605.000
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng giám đốc	1.299.360.250	1.330.944.000
Ông Phan Văn Chính	Phó Tổng giám đốc	1.040.246.000	-
Ông Phạm Minh Hiệp	Nguyên Phó tổng giám đốc	-	226.000.000
Bà Trần Thị Ngọc	Kế toán trưởng	942.386.250	965.452.000
Tổng		8.265.243.417	7.219.374.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2 Thông tin các bên liên quan (Tiếp theo)

3) Trong năm, Tổng công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND (Trình bày lại)
Bán hàng		10.676.660.233	29.412.711.715
PFG	Dịch vụ	8.144.330.618	6.436.138.207
	Xây lắp	1.218.414.915	21.270.374.753
LAMA IDICO	Bán vật tư	1.313.914.700	1.706.198.755
Mua hàng		4.672.524.500	-
LAMA IDICO	Khối lượng xây lắp	4.672.524.500	-
Lãi cho vay		685.172.016	23.248.091.760
ĐAK MI JSC	Lãi cho vay	685.172.016	23.248.091.760
Cổ tức được chia		664.134.600	30.785.512.800
DAK MI JSC	Cổ tức	-	29.900.000.000
LAMA IDICO	Cổ tức	664.134.600	885.512.800

4) Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Bên liên quan	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu khách hàng	150.793.125	107.730.000
PFG	150.793.125	107.730.000
Phải thu cho vay ngắn hạn	-	71.957.057.386
ĐAK MI JSC	-	71.957.057.386
Phải thu khác ngắn hạn	1.463.684.880	154.062.606.848
ĐAK MI JSC	-	152.598.921.968
SONG HONG 1, JSC	1.463.684.880	1.463.684.880
Phải trả người bán ngắn hạn	7.832.004.960	-
LAMA IDICO	7.832.004.960	-

TỔNG CÔNG TY IDICO – CTCP

151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.3 Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng Tổng công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh dịch vụ khu công nghiệp, kinh doanh điện năng, thu phí đường bộ, xây lắp, bất động sản và lĩnh vực khác gồm có kinh doanh vật tư, thiết kế, chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Tổng công ty. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận được lập cho mục đích quản trị doanh nghiệp. Tổng công ty không theo dõi hợp nhất tài sản, nợ phải trả bộ phận. Tổng công ty theo dõi doanh thu, chi phí và kết quả của từng bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 như sau:

a) Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động kinh doanh điện	Hoạt động xây lắp	Hoạt động kinh doanh KCN	Hoạt động thu phí đường bộ	Các hoạt động còn lại	Tổng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.697.681.878.308	129.710.616.011	690.100.801.716	308.603.172.723	475.140.022.483	4.301.236.491.241
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	2.540.823.278.388	114.284.591.094	558.018.779.446	137.837.854.989	212.837.267.724	3.563.801.771.641
Doanh thu hoạt động tài chính						605.210.793.205
Chi phí tài chính						294.361.221.510
Phần lãi trong liên doanh, liên kết						(71.333.034.551)
Chi phí bán hàng						71.383.708.291
Chi phí quản lý doanh nghiệp						188.898.557.141
Thu nhập khác						57.341.033.465
Chi phí khác						17.840.850.035
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế						756.169.174.742
Thuế thu nhập doanh nghiệp						166.809.809.492
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						11.332.085.410
Lợi nhuận trong năm						578.027.279.840

TỔNG CÔNG TY IDICO – CTCP

151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.3 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**b) Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020***Đơn vị tính: VND*

	Hoạt động kinh doanh điện	Hoạt động xây lắp	Hoạt động kinh doanh KCN	Hoạt động thu phí đường bộ	Các hoạt động còn lại	Tổng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.859.374.011.289	206.307.369.559	1.457.396.610.185	375.164.040.890	457.801.510.334	5.356.043.542.257
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	2.668.986.225.587	177.544.452.743	520.665.594.580	156.416.579.954	346.616.295.454	3.870.229.148.318
Doanh thu hoạt động tài chính						149.832.703.472
Chi phí tài chính						230.292.982.822
Phần lãi trong liên doanh, liên kết						23.677.965.515
Chi phí bán hàng						65.378.646.368
Chi phí quản lý doanh nghiệp						184.484.153.907
Thu nhập khác						68.952.377.903
Chi phí khác						15.416.774.970
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế						1.232.704.882.762
Thuế thu nhập doanh nghiệp						239.518.277.512
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(5.217.365.901)
Lợi nhuận trong năm						998.403.971.151

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.4 THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT. Một số chỉ tiêu đầu kỳ được trình bày lại theo Quyết định của Tổng công ty, cụ thể như sau:

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty quyết định trình bày lại và phân loại số liệu so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 do điều chỉnh hồi tố việc ghi nhận doanh thu 1 lần dự án Khu công nghiệp Mỹ Xuân A, cụ thể như sau:

- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT:

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Số đã Báo cáo (VND)	Số trình bày lại (VND)	Số sau trình bày lại (VND)
A.	TÀI SẢN		6.138.796.020.253	(93.581.800.293)	6.045.214.219.960
1	Tài sản cố định hữu hình	221	4.087.701.835.061	(53.495.446.043)	4.034.206.389.018
	<i>Nguyên giá</i>	222	7.530.328.263.169	-	7.530.328.263.169
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	(3.442.626.428.108)	(53.495.446.043)	(3.496.121.874.151)
2	Tài sản cố định vô hình	227	2.051.094.185.192	(40.086.354.250)	2.011.007.830.942
	<i>Nguyên giá</i>	228	2.493.887.261.661	-	2.493.887.261.661
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229	(442.793.076.469)	(40.086.354.250)	(482.879.430.719)
B.	NGUỒN VỐN		6.824.741.739.039	(93.581.800.293)	6.731.159.938.746
1	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	84.665.464.408	142.187.564.128	226.853.028.536
2	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	30.316.994.646	9.667.772.701	39.984.767.347
3	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	189.701.813.852	(27.200.115.892)	162.501.697.960
4	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	6.112.270.853.099	(786.987.277.741)	5.325.283.575.358
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	407.786.613.034	568.750.256.511	976.536.869.545
	- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	103.360.542.081	-	103.360.542.081
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	304.426.070.953	568.750.256.511	873.176.327.464

- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT:

TT	Khoản mục	Mã số	Số đã Báo cáo (VND)	Số trình bày lại (VND)	Số sau trình bày lại (VND)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	4.542.065.507.806	814.187.393.633	5.356.252.901.439
2	Giá vốn hàng bán	11	3.766.979.575.324	103.249.572.994	3.870.229.148.318
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	521.767.062.123	710.937.820.639	1.232.704.882.762
4	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	97.330.713.384	142.187.564.128	239.518.277.512
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	429.653.714.640	568.750.256.511	998.403.971.151

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09-DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT:

TT	Khoản mục	Mã số	Số đã Báo cáo (VND)	Số trình bày lại (VND)	Số sau trình bày lại (VND)
1	Lợi nhuận trước thuế	01	521.767.062.123	710.937.820.639	1.232.704.882.762
2	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	416.285.562.470	93.581.800.293	509.867.362.763
3	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	31.507.471.020	(804.519.620.932)	(773.012.149.912)

Người lập biểu

Trần Thị Ngọc Loan**Kế toán trưởng**

Trần Thị Ngọc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Tổng giám đốc**Đặng Chính Trung**